

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HỌC KỲ HÈ 2024-2025  
(Thu đến 21/8/2025)

| TT | MSV      | Họ và tên              | Mã lớp    | Các khoản<br>nợ/thừa<br>các kỳ<br>trước | Học phí kỳ<br>hè 24-25<br>theo QĐ<br>1650 | Đã nộp | Chưa nộp  | Ghi chú |
|----|----------|------------------------|-----------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|--------|-----------|---------|
|    |          | <b>ĐHCQ chuẩn</b>      |           |                                         |                                           |        |           |         |
| 1  | 24022353 | Đào Việt Huy           | K69A-AI   | 0                                       | 3.476.000                                 |        | 3.476.000 | Cấm thi |
| 2  | 23021425 | Trần Trọng Nghĩa       | K68S-AE   | 0                                       | 6.083.000                                 |        | 6.083.000 | Cấm thi |
| 3  | 23021385 | Bùi Mạnh Dũng          | K68S-AE   | 0                                       | 3.476.000                                 |        | 3.476.000 | Cấm thi |
| 4  | 23021190 | Nguyễn Trần Thiện Thái | K68C-CE3  | 0                                       | 6.952.000                                 |        | 6.952.000 | Cấm thi |
| 5  | 23021183 | Phạm Công Toàn         | K68C-CE2  | 0                                       | 6.083.000                                 |        | 6.083.000 | Cấm thi |
| 6  | 23021180 | Nguyễn Xuân Tiến       | K68C-CE2  | 0                                       | 2.607.000                                 |        | 2.607.000 | Cấm thi |
| 7  | 23021130 | Nguyễn Xuân Kiệt       | K68C-CE3  | 0                                       | 6.083.000                                 |        | 6.083.000 | Cấm thi |
| 8  | 23021117 | Trần Thị Hoa           | K68C-CE2  | 0                                       | 2.607.000                                 |        | 2.607.000 | Cấm thi |
| 9  | 23021108 | Nguyễn Minh Hải        | K68C-CE2  | 0                                       | 3.476.000                                 |        | 3.476.000 | Cấm thi |
| 10 | 23020949 | Đinh Thị Ngọc Linh     | K68P-EP   | 0                                       | 6.083.000                                 |        | 6.083.000 | Cấm thi |
| 11 | 23020919 | Đặng Tùng Dương        | K68P-EP   | 0                                       | 3.476.000                                 |        | 3.476.000 | Cấm thi |
| 12 | 23020779 | Lê Quốc Anh            | K68E-CE1  | 0                                       | 2.607.000                                 |        | 2.607.000 | Cấm thi |
| 13 | 23020698 | Nguyễn Văn Quỳnh       | K68I-IT20 | 0                                       | 2.607.000                                 |        | 2.607.000 | Cấm thi |
| 14 | 23020336 | Kiều Quốc Công         | K68A-AI2  | 0                                       | 3.476.000                                 |        | 3.476.000 | Cấm thi |
| 15 | 23020180 | Nguyễn Đức Thế Anh     | K68G-AT   | 0                                       | 8.690.000                                 |        | 8.690.000 | Cấm thi |
| 16 | 22027508 | Phạm Đặng Quang Hải    | K67E-RE   | 0                                       | 2.295.000                                 |        | 2.295.000 | Cấm thi |
| 17 | 22027144 | Trần Đình Trường       | K67S-AE   | 198.000                                 | 2.295.000                                 |        | 2.493.000 | Cấm thi |
| 18 | 22027132 | Lê Quốc Tuấn           | K67S-AE   | 0                                       | 6.120.000                                 |        | 6.120.000 | Cấm thi |
| 19 | 22027106 | Bùi Tuấn Anh           | K67S-AE   | 0                                       | 3.060.000                                 |        | 3.060.000 | Cấm thi |
| 20 | 22027105 | Lê Đình Hùng           | K67S-AE   | 0                                       | 6.492.000                                 |        | 6.492.000 | Cấm thi |
| 21 | 22026539 | Ngô Phương Hà          | K67I-IT20 | 0                                       | 6.885.000                                 |        | 6.885.000 | Cấm thi |
| 22 | 22026524 | Trần Quang Đạt         | K67I-IT20 | 0                                       | 7.650.000                                 |        | 7.650.000 | Cấm thi |
| 23 | 22026509 | Nguyễn Hữu Thái        | K67I-IT20 | 0                                       | 2.295.000                                 |        | 2.295.000 | Cấm thi |
| 24 | 22025208 | Hoàng Văn Ngọc         | K67C-CE2  | 0                                       | 6.623.000                                 |        | 6.623.000 | Cấm thi |
| 25 | 22025203 | Phạm Bảo Ngọc          | K67C-CE1  | 0                                       | 6.623.000                                 |        | 6.623.000 | Cấm thi |
| 26 | 22025199 | Lê Mạnh Tiến           | K67C-CE1  | 0                                       | 6.623.000                                 |        | 6.623.000 | Cấm thi |
| 27 | 22025197 | Mạc Anh Tuấn           | K67C-CE1  | 0                                       | 3.563.000                                 |        | 3.563.000 | Cấm thi |
| 28 | 22025180 | Phan Việt Hoàng        | K67C-CE2  | 0                                       | 6.623.000                                 |        | 6.623.000 | Cấm thi |
| 29 | 22025175 | Nguyễn Văn Đạo         | K67C-CE1  | 0                                       | 6.623.000                                 |        | 6.623.000 | Cấm thi |
| 30 | 22025171 | Lê Văn Tùng            | K67C-CE1  | 0                                       | 8.153.000                                 |        | 8.153.000 | Cấm thi |
| 31 | 22025162 | Ngô Thúy An            | K67C-CE1  | 0                                       | 1.268.000                                 |        | 1.268.000 | Cấm thi |
| 32 | 22025157 | Lê Mạnh Duy            | K67C-CE2  | 0                                       | 1.268.000                                 |        | 1.268.000 | Cấm thi |
| 33 | 22025155 | Phạm Cao Minh          | K67C-CE2  | 0                                       | 9.683.000                                 |        | 9.683.000 | Cấm thi |

| TT | MSV      | Họ và tên             | Mã lớp    | Các khoản<br>nợ/thừa<br>các kỳ<br>trước | Học phí kỳ<br>hè 24-25<br>theo QĐ<br>1650 | Đã nộp    | Chưa nộp   | Ghi chú |
|----|----------|-----------------------|-----------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----------|------------|---------|
| 34 | 22025151 | Phạm Văn Thông        | K67C-CE1  | 4.952.000                               | 9.683.000                                 |           | 14.635.000 | Cấm thi |
| 35 | 22025144 | Đặng Nguyễn Việt Anh  | K67C-CE2  | 0                                       | 5.596.000                                 |           | 5.596.000  | Cấm thi |
| 36 | 22025132 | Ngô Huy Hoàng         | K67C-CE1  | 2.000.000                               | 6.623.000                                 | 2.000.000 | 6.623.000  | Cấm thi |
| 37 | 22025130 | Lê Tuấn Anh           | K67C-CE1  | 30.000                                  | 6.623.000                                 |           | 6.653.000  | Cấm thi |
| 38 | 22025123 | Bùi Tuấn Anh          | K67C-CE1  | 5.752.000                               | 3.563.000                                 | 4.500.000 | 4.815.000  | Cấm thi |
| 39 | 22025120 | Đào Duy Thái          | K67C-CE1  | 0                                       | 4.831.000                                 |           | 4.831.000  | Cấm thi |
| 40 | 22024110 | Hoàng Thế Hải         | K67M-EM   | 0                                       | 2.295.000                                 |           | 2.295.000  | Cấm thi |
| 41 | 22024100 | Nguyễn Anh Quân       | K67M-EM   | 0                                       | 3.060.000                                 |           | 3.060.000  | Cấm thi |
| 42 | 22023128 | Lê Huy Cương          | K67P-EP   | 0                                       | 3.060.000                                 |           | 3.060.000  | Cấm thi |
| 43 | 22022647 | Bùi Thế Long          | K67A-AI1  | 0                                       | 3.825.000                                 | 1.025.000 | 2.800.000  | Cấm thi |
| 44 | 22022641 | Hồ Lê Dương           | K67A-AI1  | 0                                       | 2.295.000                                 |           | 2.295.000  | Cấm thi |
| 45 | 22022588 | Ngô Xuân Mạnh         | K67A-AI1  | -760.000                                | 3.060.000                                 |           | 2.300.000  | Cấm thi |
| 46 | 22022583 | Nguyễn Huy Hoàng Anh  | K67A-AI1  | 0                                       | 7.650.000                                 |           | 7.650.000  | Cấm thi |
| 47 | 22022559 | Bùi Duy Quảng         | K67A-AI1  | 0                                       | 2.295.000                                 |           | 2.295.000  | Cấm thi |
| 48 | 22022518 | Quách Đắc Chính       | K67A-AI2  | 0                                       | 2.295.000                                 |           | 2.295.000  | Cấm thi |
| 49 | 22022515 | Vũ Trung Hiếu         | K67A-AI1  | 0                                       | 2.295.000                                 |           | 2.295.000  | Cấm thi |
| 50 | 22022130 | Bùi Việt Hoàng        | K67E-CE2  | 0                                       | 6.120.000                                 |           | 6.120.000  | Cấm thi |
| 51 | 22022106 | Vũ Thế Quân           | K67E-CE1  | 0                                       | 2.295.000                                 |           | 2.295.000  | Cấm thi |
| 52 | 22021561 | Phạm Minh Đồng        | K67M-AT   | 0                                       | 3.060.000                                 |           | 3.060.000  | Cấm thi |
| 53 | 22021513 | Nguyễn Đức Hoàng Việt | K67M-AT   | 0                                       | 3.825.000                                 |           | 3.825.000  | Cấm thi |
| 54 | 22021138 | Nguyễn Hữu Phú        | K67I-IT2  | 0                                       | 2.295.000                                 |           | 2.295.000  | Cấm thi |
| 55 | 22021129 | Hoàng Quốc Việt       | K67I-IT2  | 0                                       | 2.295.000                                 |           | 2.295.000  | Cấm thi |
| 56 | 22021116 | Vũ Văn Minh           | K67I-IT15 | 0                                       | 2.295.000                                 |           | 2.295.000  | Cấm thi |
| 57 | 22020123 | Trần Thị Hằng         | K67G-AT   | 0                                       | 1.530.000                                 |           | 1.530.000  | Cấm thi |
| 58 | 22020116 | Nguyễn Văn Dư         | K67G-AT   | 0                                       | 1.530.000                                 |           | 1.530.000  | Cấm thi |
| 59 | 22020114 | Nguyễn Phú Sáng       | K67G-AT   | 0                                       | 1.530.000                                 |           | 1.530.000  | Cấm thi |
| 60 | 22020103 | Vũ Việt Hùng          | K67G-AT   | 1.770.000                               | 1.530.000                                 |           | 3.300.000  | Cấm thi |
| 61 | 21021664 | Lục Thành Lương       | K66E-CE   | 11.250.000                              | 4.500.000                                 |           | 15.750.000 | Cấm thi |
| 62 | 21021241 | Vũ Huy Thịnh          | K66C-CE2  | 0                                       | 1.350.000                                 |           | 1.350.000  | Cấm thi |
| 63 | 21021188 | Đặng Minh Huấn        | K66C-CE1  | 0                                       | 1.800.000                                 |           | 1.800.000  | Cấm thi |
| 64 | 21021151 | Trần Thế Anh          | K66C-CE2  | 0                                       | 3.150.000                                 |           | 3.150.000  | Cấm thi |
| 65 | 21021147 | Nguyễn Đức Anh        | K66C-CE2  | 0                                       | 1.350.000                                 |           | 1.350.000  | Cấm thi |
| 66 | 21021136 | Trương Hoàng Tuấn     | K66M-EM   | 0                                       | 1.350.000                                 |           | 1.350.000  | Cấm thi |
| 67 | 21021103 | Trần Thành Long       | K66M-EM   | 0                                       | 3.150.000                                 |           | 3.150.000  | Cấm thi |
| 68 | 21020817 | Nguyễn Vũ Phương Đông | K66G-AT   | 0                                       | 1.350.000                                 |           | 1.350.000  | Cấm thi |
| 69 | 21020778 | Dương Bình Minh       | K66I-IT2  | 0                                       | 1.350.000                                 |           | 1.350.000  | Cấm thi |
| 70 | 21020766 | Nguyễn Đồng Hưng      | K66I-IT1  | 0                                       | 2.700.000                                 |           | 2.700.000  | Cấm thi |
| 71 | 21020556 | Nguyễn Đức Tùng       | K66I-IT2  | 0                                       | 1.350.000                                 |           | 1.350.000  | Cấm thi |
| 72 | 21020488 | Phạm Vũ Hải           | K66M-AT   | 0                                       | 3.150.000                                 |           | 3.150.000  | Cấm thi |

| TT | MSV      | Họ và tên                      | Mã lớp    | Các khoản<br>nợ/thừa<br>các kỳ<br>trước | Học phí kỳ<br>hè 24-25<br>theo QĐ<br>1650 | Đã nộp    | Chưa nộp   | Ghi chú |
|----|----------|--------------------------------|-----------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----------|------------|---------|
| 73 | 21020414 | Đặng Thị Thanh Trúc            | K66I-IT2  | 0                                       | 1.350.000                                 |           | 1.350.000  | Cấm thi |
| 74 | 21020377 | Võ Hồng Phúc                   | K66I-IT1  | 0                                       | 1.350.000                                 |           | 1.350.000  | Cấm thi |
| 75 | 21020056 | Nguyễn Tấn Dũng                | K66I-IT20 | 0                                       | 3.600.000                                 |           | 3.600.000  | Cấm thi |
| 76 | 20020120 | Nguyễn Trí Minh Tuấn           | K65I-IT2  | 11.700.000                              | 7.200.000                                 |           | 18.900.000 | Cấm thi |
| 77 | 20021250 | Diệp Sơn Nam                   | K65S-AE   | 10.176.000                              | 1.350.000                                 |           | 11.526.000 | Cấm thi |
| 78 | 20020805 | Ngô Văn Khải                   | K65P-EE   | 5.400.000                               | 1.350.000                                 |           | 6.750.000  | Cấm thi |
|    |          | <b>ĐHCQ thu HP theo ĐMKTKT</b> |           |                                         |                                           |           |            |         |
| 1  | 24021401 | Bùi Hải Đăng                   | K69I-CS   | 0                                       | 13.988.000                                |           | 13.988.000 | Cấm thi |
| 2  | 24022897 | Phạm Minh Nghĩa                | K69E-RE   | 0                                       | 11.836.000                                |           | 11.836.000 | Cấm thi |
| 3  | 24020914 | Ngô Đức Anh                    | K69C-CE   | 0                                       | 10.760.000                                |           | 10.760.000 | Cấm thi |
| 4  | 23021604 | Lê Thế Lâm                     | K68I-CS2  | 0                                       | 7.532.000                                 |           | 7.532.000  | Cấm thi |
| 5  | 24020014 | Nguyễn Duy Anh                 | K69I-IT   | 0                                       | 7.532.000                                 |           | 7.532.000  | Cấm thi |
| 6  | 23021766 | Nguyễn Hoàng Anh               | K68E-EC1  | 0                                       | 6.456.000                                 |           | 6.456.000  | Cấm thi |
| 7  | 23021278 | Phạm Lê Gia Huy                | K68M-MT1  | 0                                       | 6.456.000                                 |           | 6.456.000  | Cấm thi |
| 8  | 24022569 | Nguyễn Phúc Nguyên             | K69P-EE   | 0                                       | 6.456.000                                 |           | 6.456.000  | Cấm thi |
| 9  | 24022586 | Nguyễn Ngọc Trường             | K69P-EE   | 0                                       | 6.456.000                                 |           | 6.456.000  | Cấm thi |
| 10 | 23021933 | Nghiêm Quang Vinh              | K68E-EC2  | 0                                       | 8.608.000                                 | 4.000.000 | 4.608.000  | Cấm thi |
| 11 | 24021005 | Nguyễn Thành Long              | K69C-CE   | 0                                       | 4.304.000                                 |           | 4.304.000  | Cấm thi |
| 12 | 24021045 | Lê Anh Tuấn                    | K69C-CE   | 0                                       | 4.304.000                                 |           | 4.304.000  | Cấm thi |
| 13 | 24021733 | Lê Minh Đức                    | K69E-EC   | 0                                       | 4.304.000                                 |           | 4.304.000  | Cấm thi |
| 14 | 24021120 | Trần Tiến Hưng                 | K69M-MT   | 0                                       | 4.304.000                                 |           | 4.304.000  | Cấm thi |
| 15 | 24021122 | Lê Quang Huy                   | K69M-MT   | 0                                       | 4.304.000                                 |           | 4.304.000  | Cấm thi |
| 16 | 24021141 | Trần Trung Kiệt                | K69M-MT   | 0                                       | 4.304.000                                 |           | 4.304.000  | Cấm thi |
| 17 | 24022506 | Nguyễn Hải Đăng                | K69P-EE   | 0                                       | 4.304.000                                 |           | 4.304.000  | Cấm thi |
| 18 | 24022551 | Nguyễn Trung Kiên              | K69P-EE   | 0                                       | 4.304.000                                 |           | 4.304.000  | Cấm thi |
| 19 | 24022558 | Lê Thành Long                  | K69P-EE   | 0                                       | 4.304.000                                 |           | 4.304.000  | Cấm thi |
| 20 | 24022589 | Phùng Nghĩa Xuân Tú            | K69P-EE   | 0                                       | 4.304.000                                 |           | 4.304.000  | Cấm thi |
| 21 | 24020956 | Đỗ Minh Hải                    | K69C-CE   | 0                                       | 3.228.000                                 |           | 3.228.000  | Cấm thi |
| 22 | 24020991 | Đàm Công Khiển                 | K69C-CE   | 0                                       | 3.228.000                                 |           | 3.228.000  | Cấm thi |
| 23 | 24021006 | Nguyễn Thành Long              | K69C-CE   | 0                                       | 3.228.000                                 |           | 3.228.000  | Cấm thi |
| 24 | 24021528 | Lê Ngọc Khánh                  | K69I-CS   | 0                                       | 3.228.000                                 |           | 3.228.000  | Cấm thi |
| 25 | 24020074 | Đoàn Thế Đức                   | K69I-IT   | 0                                       | 3.228.000                                 |           | 3.228.000  | Cấm thi |
| 26 | 24020970 | Lê Nhật Hoàng                  | K69C-CE   | -14.350                                 | 3.228.000                                 |           | 3.213.650  | Cấm thi |
| 27 | 23021596 | Phạm Công Khanh                | K68I-CS2  | 0                                       | 3.228.000                                 | 228.000   | 3.000.000  | Cấm thi |
| 28 | 24022583 | Vũ Minh Tiến                   | K69P-EE   | -414.350                                | 3.228.000                                 |           | 2.813.650  | Cấm thi |
| 29 | 24021204 | Dương Đức Trí                  | K69M-MT   | 0                                       | 2.152.000                                 |           | 2.152.000  | Cấm thi |
|    |          | <b>ĐHCQ CLC theo TT23</b>      |           |                                         |                                           |           |            |         |
| 1  | 22029012 | Nguyễn Công Hải                | K67E-EC   | 0                                       | 2.400.000                                 |           | 2.400.000  | Cấm thi |
| 2  | 22028186 | Đường Minh Hoàng               | K67I-CS3  | 0                                       | 2.400.000                                 |           | 2.400.000  | Cấm thi |

| TT | MSV      | Họ và tên            | Mã lớp   | Các khoản<br>nợ/thừa<br>các kỳ<br>trước | Học phí kỳ<br>hè 24-25<br>theo QĐ<br>1650 | Đã nộp | Chưa nộp  | Ghi chú |
|----|----------|----------------------|----------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|--------|-----------|---------|
| 3  | 22028177 | Nguyễn Hải Nam       | K67I-CS1 | 0                                       | 2.400.000                                 |        | 2.400.000 | Cấm thi |
| 4  | 22028084 | Nguyễn Hoàng Giang   | K67I-CS3 | 0                                       | 2.400.000                                 |        | 2.400.000 | Cấm thi |
| 5  | 22026199 | Lê Ngọc Linh         | K67M-MT  | 0                                       | 5.600.000                                 |        | 5.600.000 | Cấm thi |
| 6  | 22026182 | Bùi Văn Hưng         | K67M-MT  | 0                                       | 6.400.000                                 |        | 6.400.000 | Cấm thi |
| 7  | 22026179 | Bạch Ngọc Tấn        | K67M-MT  | 0                                       | 4.000.000                                 |        | 4.000.000 | Cấm thi |
| 8  | 22026140 | Nguyễn Trung Nguyên  | K67M-MT  | 0                                       | 3.200.000                                 |        | 3.200.000 | Cấm thi |
| 9  | 22024534 | Nguyễn Tiến Việt Hải | K67I-IS  | 0                                       | 8.800.000                                 |        | 8.800.000 | Cấm thi |
| 10 | 22024526 | Ngô Mạnh Tiến        | K67I-IS  | 0                                       | 5.600.000                                 |        | 5.600.000 | Cấm thi |
| 11 | 22024515 | Hồ Nguyên Lượng      | K67I-IS  | 0                                       | 2.400.000                                 |        | 2.400.000 | Cấm thi |
| 12 | 21021626 | Nguyễn Minh Phúc     | K66E-EC1 | 4.800.000                               | 3.200.000                                 |        | 8.000.000 | Cấm thi |
| 13 | 21021595 | Hoàng Đức Huy        | K66E-EC2 | 0                                       | 3.200.000                                 |        | 3.200.000 | Cấm thi |
| 14 | 21021586 | Nguyễn Xương Hiếu    | K66E-EC1 | 0                                       | 2.400.000                                 |        | 2.400.000 | Cấm thi |
| 15 | 21021471 | Nguyễn Đức Dương     | K66I-IS  | 0                                       | 8.000.000                                 |        | 8.000.000 | Cấm thi |
| 16 | 21020671 | Trần Lê Thành Trung  | K66I-CS3 | 0                                       | 6.400.000                                 |        | 6.400.000 | Cấm thi |
| 17 | 21020464 | Phạm Minh Hiếu       | K66I-CS3 | 0                                       | 2.400.000                                 |        | 2.400.000 | Cấm thi |
| 18 | 21020244 | Trần Hữu Thành       | K66I-CS1 | 0                                       | 2.400.000                                 |        | 2.400.000 | Cấm thi |
| 19 | 21020204 | Nguyễn Quang Huy     | K66I-CS3 | 0                                       | 2.400.000                                 |        | 2.400.000 | Cấm thi |